TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 394/2023/HNGĐ-ST Ngày 30 – 8 – 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Ông Võ Thái Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vỉnh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 252/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1994.

Cư trú: tổ F, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1994.

Cư trú: Tổ 14, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An

(chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Chí T1 do tự tìm hiểu quen nhau một thời gian được sự đồng ý của cha mẹ hai bên gia đình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn ở UBND xã H. Vợ chồng sống chung cha mẹ chồng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn với gia đình chồng, đến năm 2017 chị T bỏ đi làm ở C, vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay, từ khi đi cho đến nay vợ chồng không liên lạc, không hàn gắn tình cảm, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 18/01/2014. Hiện đang sống cùng anh T1, chị T đồng ý để anh T1 nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với anh T1, về con chung anh T1 được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Chí T2. Chị Trương Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 21/02//2013 do Ủy ban nhân dân xã H cấp là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn sau thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kinh tế trong gia đình, dẫn đến thường xuyên cự cãi. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2017 đến nay nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 18/01/2014. Hiện đang sống cùng anh T1, chị T đồng ý để anh T1 nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ T

1. Về hôn nhân gia đình: chị Trương Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175 ngày 21/11/2013 do Ủy ban nhân dân xã H cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 18/01/2014 cho anh Nguyễn Chí T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Trương Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận chị T trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006195 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Nguyễn Chí T1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Hòa Lạc
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc